

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỤC BA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151/QĐ-UBND

Lục Ba, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách
nhà nước xã Lục Ba 9 tháng đầu năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỤC BA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận kế hoạch thu chi ngân sách xã Lục Ba năm 2023 ngày 30/11/2022 giữa UBND xã Lục Ba và phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Đại từ, chi cục thuế khu vực Sông Công- Đại Từ

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND xã Lục Ba về phê duyệt dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2023;

Xét đề nghị của ban Tài chính xã Lục Ba.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi Ngân sách xã Lục Ba 9 tháng đầu năm 2023 (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Đăng lên cổng thông tin điện tử của xã, gửi các trưởng xóm, niêm yết tại xóm, niêm yết tại trụ sở UBND ít nhất 30 ngày, phát trên loa truyền thanh của xã vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối ít nhất 02 lần trong 1 tuần trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký quyết định công khai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, ban Tài chính xã Lục Ba tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện
- Phòng tài chính Huyện Đại Từ, KBNN;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP, ban tài chính;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Trần Đức Tuân

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ LỤC BA

Số 84/BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lục Ba, ngày 06 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 8868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước huyện Đại từ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND của HĐND xã Lục Ba họp ngày 29/12/2020 về phân bổ dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2023 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thu chi ngân sách của UBND xã Lục Ba 9 tháng đầu năm 2023. UBND xã Lục Ba báo cáo số liệu cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Thu chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 xã Lục Ba nhìn chung đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, và có những thuận lợi, khó khăn như sau:

- Thuận lợi:

Công tác thu chi ngân sách thường xuyên được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND và UBND sự quan tâm giúp đỡ của phòng Tài chính-KH huyện, Kho bạc NN huyện trong việc quản lý và điều hành ngân sách, sự phối hợp của chi cục Thuế huyện cho nên 9 tháng đầu năm thu trên địa bàn: 181.007.000/230.000.000 đạt 78,6% Kế hoạch, phần ngân sách xã hưởng: 136.851.000/130.000.000 đạt 105% Kế hoạch giao. Chi ngân sách đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội cho cán bộ, kinh phí hoạt động của Đảng, HĐND, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội.

Cấp kinh phí cho các nhiệm vụ phát sinh trong 9 tháng đầu năm như Đại hội hội Nông dân, hội Nạn nhân Da cam và các nhiệm vụ khác...

- Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi như trên, công tác thu chi Ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 của UBND xã Lục Ba vẫn còn những hạn chế, khó khăn một số khoản thu còn đạt thấp, kinh phí phát sinh cho Đại hội nhiệm kỳ của hội Nông dân và hội nạn nhân Da cam không được cấp mà phải cân đối từ chi thường xuyên ngân sách xã cho nên khó khăn cho việc cân đối các khoản chi tại xã.

II- Kết quả thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2023

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Năm 2023 dự toán đầu năm: 5.400.674.000 đồng, thực hiện: 5.864.273.013 đồng đạt 108 % kế hoạch trong đó:

- Thu trợ cấp: 4.922.015.000 đồng bằng 99,7% kế hoạch
- Thu chuyển nguồn: 805.406.411 đồng
- Thu cân đối từ thuế và phí kế hoạch giao: 230.000.000 đồng. Thực hiện: 181.007.000 đạt 78,6%

(có biểu số 113,114/CKTC-NSNN kèm theo)

2. Chi ngân sách.

Thực hiện chi đến ngày 30/9/2023: 5.192.663.279 đồng đạt 105,6% kế hoạch. Trong đó:

2.1 Chi đầu tư: 1.152.000.000 đồng (xây cầu ông Hiên)

2.2 Chi thường xuyên: 4.040.663.279 đồng

Chi tiết một số khoản chi chính như sau:

- Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự kế hoạch: 700.194.384 đồng, thực hiện : 507.459.000 đồng đạt 72% kế hoạch giao

- Sự nghiệp kinh tế dự toán: 31.500.000 đồng, thực hiện: 1.152.000.000 đồng (Thanh toán tiền công trình Cầu ông Hiên)

- Chi sự nghiệp xã hội dự toán: 167.819.3000 đồng, thực hiện: 107.658.000 đạt 64% kế hoạch.

- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể dự toán: 3.917.515.616 đồng, thực hiện: 3.387.396.000 đạt 86% kế hoạch.

(có biểu số 115/CKTC-NSNN kèm theo)

III- Đánh giá chung trong việc thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2023

Nhìn chung công tác thu ngân sách trên địa bàn đạt kế hoạch đề ra, chi ngân sách đảm bảo kịp thời cho hoạt động chuyên môn cũng như thanh toán chế độ tiền lương và phụ cấp cho cán bộ.

Phần thứ II:

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM

Từ kết quả đạt được và những chỉ tiêu thực hiện còn thấp 9 tháng đầu năm 2023. UBND xã Lục Ba đề ra những giải pháp 9 tháng còn lại như sau:

1- Thu ngân sách:



Tăng cường thu ngân sách trên địa bàn, phối hợp với chi cục thuế rà soát thu thuế vận tải, thu phí chứng thực... phân đầu năm 2023 hoàn thành kế hoạch giao.

2- Chi ngân sách:

Thực hiện quản lý chi ngân sách theo luật, đảm bảo chi đúng chi đủ và có trong dự toán được duyệt, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tiết kiệm và hiệu quả.

- Đảm bảo cân đối thu chi: Ưu tiên chi trả lương, phụ cấp, cấp kinh phí kịp thời cho các hoạt động, quản lý chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả, đúng định mức, chế độ tiêu chuẩn và có trong dự toán được duyệt.

- Hoàn tất hồ sơ các công trình XD CB nghiệm thu quyết toán làm đường bê đúng tiến độ.

- Triển khai sửa chữa nhà lớp học 02 tầng 8 phòng trường Tiểu học, làm thủ tục chuyển bàn giao đất, tài sản để xây dựng nhà làm việc cho ban Công an xã

Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu ngân sách được giao.

Phối hợp cùng các ban Mặt trận cơ sở xóm thanh quyết toán các quỹ.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã Lục Ba ;
- TT HĐND xã Lục Ba ;
- Các vị ĐB HĐND xã Lục Ba;
- Chủ tịch, phó chủ tịch UBND xã;
- Lưu: VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Tuân



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 9 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 06/10/20233)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	5.400.674.000	5.864.273.013	108,58
1.	Các khoản thu 100%	47.000.000	32.472.000	69,09
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	83.000.000	104.379.602	125,76
3.	Thu chuyển nguồn	333.765.000	805.406.411	241,31
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.936.909.000	4.922.015.000	99,7
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.936.909.000	3.736.015.000	75,68
	- Bổ sung có mục tiêu		1.186.000.000	
II.	Tổng số chi	4.913.941.000	5.215.741.959	106,14
1.	Chi đầu tư phát triển		1.152.000.000	
2.	Chi thường xuyên	4.913.941.000	4.063.741.959	82,7
3.	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 9 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 06/10/2023)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	5.500.674.000	5.400.674.000	5.908.428.541	5.864.273.013	107,41	108,58
I. Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000	32.472.000	32.472.000	69,09	69,09
- Phí, lệ phí	16.000.000	16.000.000	9.972.000	9.972.000	62,33	62,33
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	26.000.000	26.000.000	17.500.000	17.500.000	67,31	67,31
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	100	100
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	183.000.000	83.000.000	148.535.130	104.379.602	81,17	125,76
1. Các khoản thu phân chia	23.000.000	23.000.000	37.526.657	37.526.657	163,16	163,16
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000	7.100.000	7.100.000	101,43	101,43
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	16.000.000	16.000.000	30.426.657	30.426.657	190,17	190,17
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	160.000.000	60.000.000	111.008.473	66.852.945	69,38	111,42
- Thuế giá trị gia tăng	60.000.000	60.000.000	69.638.483	66.852.945	116,06	111,42
- Thuế TNDN	30.000.000					
- Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000		41.369.990		59,1	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	333.765.000	333.765.000	805.406.411	805.406.411	241,31	241,31
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.936.909.000	4.936.909.000	4.922.015.000	4.922.015.000	99,7	99,7
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.936.909.000	4.936.909.000	3.736.015.000	3.736.015.000	75,68	75,68
- Bổ sung có mục tiêu			1.186.000.000	1.186.000.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 9 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 06/10/2023)

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	4.913.941.000		4.913.941.000	5.192.663.279	1.152.000.000	4.040.663.279	105,67		82,23
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	700.194.384		700.194.384	507.459.354		507.459.354	72,47		72,47
- Chi dân quân tự vệ	452.818.384		452.818.384	326.133.496		326.133.496	72,02		72,02
- Chi trật tự an toàn xã hội	247.376.000		247.376.000	181.325.858		181.325.858	73,3		73,3
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	42.912.000		42.912.000	34.416.000		34.416.000	80,2		80,2
5. Chi văn hóa, thông tin	30.000.000		30.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	24.000.000		24.000.000	3.733.000		3.733.000	15,55		15,55
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000	1.152.000.000	1.152.000.000		3.657,14		
- Giao thông	11.500.000		11.500.000	1.152.000.000	1.152.000.000		10.017,39		
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	20.000.000		20.000.000						
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									



10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.917.515.616		3.917.515.616	3.387.396.025		3.387.396.025	86,47		86,47
Trong đó: Quỹ lương				2.385.211.994		2.385.211.994			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.969.235.383		1.969.235.383	1.859.290.492		1.859.290.492	94,42		94,42
10.2. Hội đồng nhân dân	316.494.510		316.494.510	317.158.810		317.158.810	100,21		100,21
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	627.960.110		627.960.110	590.029.065		590.029.065	93,96		93,96
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	435.788.173		435.788.173	169.644.982		169.644.982	38,93		38,93
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	110.744.860		110.744.860	87.170.344		87.170.344	78,71		78,71
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	110.744.860		110.744.860	82.710.734		82.710.734	74,69		74,69
10.7. Hội Cựu chiến binh	102.041.770		102.041.770	74.164.912		74.164.912	72,68		72,68
10.8. Hội Nông dân	129.447.950		129.447.950	106.370.586		106.370.586	82,17		82,17
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.585.000		24.585.000	16.855.700		16.855.700	68,56		68,56
10.10. Hội Người cao tuổi	26.105.000		26.105.000	21.961.400		21.961.400	84,13		84,13
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	13.956.000		13.956.000	86,73		86,73
10.12. Chi hỗ trợ khác									
10.13. Hội Cựu Thanh niên XP	16.092.000		16.092.000	13.906.000		13.906.000	86,42		86,42
10.14. Hội Đông Y	16.092.000		16.092.000	12.906.000		12.906.000	80,2		80,2
10.15. Hội Nạn nhân Da cam	16.092.000		16.092.000	21.271.000		21.271.000	132,18		132,18
11. Chi cho công tác xã hội	167.819.000		167.819.000	107.658.900		107.658.900	64,15		64,15
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	167.819.000		167.819.000	107.658.900		107.658.900	64,15		64,15
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác									
12. Chi khác									
13. Dự phòng									
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									